

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1 - ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty : Công ty cổ phần Gạch Men Thanh Thanh

Năm báo cáo 2017

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600 665643
- Vốn điều lệ: 59.923.480.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 59.923.480.000 đồng
- Địa chỉ: Đường số 1, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: 0251.3836066
- Số fax: 0251.3836305
- Website: www.thanhthanhceramic.com
- Mã cổ phiếu: TTC

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Trước năm 1975, Thanh Thanh thuộc sở hữu tư nhân, chủ yếu sản xuất gạch men 10cm x10cm theo công nghệ SACMI của Ý. Sau 1975, nhà máy được quốc hữu hóa vào ngày 1/7/1976 với tên Nhà máy Gạch Men Thanh Thanh.
- Năm 1993, nhà máy được thành lập lại theo quyết định số 34A/BXD – TCLĐ ngày 12/2/1993 của bộ trưởng Bộ Xây dựng, trực thuộc Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1. Sau đó Nhà máy được đổi tên thành Công Ty Gạch Men Thanh Thanh hạch toán độc lập theo Quyết định số 201/BXD-TCLĐ ngày 27/03/1995 và được Ủy Ban Kế Hoạch Nhà Nước cho phép đăng ký kinh doanh tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 10055 ngày 05/04/1995 với chức năng chính là sản xuất kinh doanh gạch men và vật liệu xây dựng.
- Công ty được chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo quyết định số 1706/QĐ-BXD ngày 22/12/2003 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng về việc chuyển Công ty Gạch Men Thanh Thanh thành Công ty Cổ phần, với vốn điều lệ lúc cổ phần hoá là 40 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000091 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế

Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp, thay đổi lần thứ 9 ngày 19 tháng 04 năm 2017.

- Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường vào ngày 08/08/2006
- Niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm 1.992.348 cổ phiếu (tổng giá trị: mười chín tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng) vào ngày 20 tháng 03 năm 2008.
- Thương hiệu gạch men Thanh Thanh đã khẳng định được uy tín của mình đối với người tiêu dùng trong nước. Những cột mốc quan trọng đánh dấu các bước phát triển của Công ty được ghi nhận như sau:
 - ✓ Năm 1991 đầu tư trang bị máy ép PH 550 thay thế các thiết bị cũ nâng cao công suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm cạnh tranh với hàng ngoại nhập; năm 1993, đầu tư mới dây chuyền sản xuất gạch lát nền theo công nghệ mới (nung 01 lần) công suất 1 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 1995, tiếp tục đầu tư thêm dây chuyền sản xuất gạch lát nền công suất 01 triệu m²/năm nâng tổng công suất sản xuất gạch lát nền của Công ty lên 02 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 1999, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch với công nghệ nung nhanh 2 lần công suất 01 triệu/năm;
 - ✓ Năm 2000, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch granit nhân tạo công suất 1,5 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 2003, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch ốp tường công nghệ nung nhanh 2 lần công suất 01 triệu m²/năm, nâng tổng công suất sản xuất gạch ốp tường của Công ty lên 02 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 2016-2017, đầu tư chiều sâu máy in kỹ thuật số, máy mài cạnh nhằm nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm hướng tới dòng sản phẩm cao cấp.
 - ✓ Đến hết năm 2017, Công ty có một tập thể trên 450 cán bộ - công nhân viên, trong đó có nhiều chuyên gia kỹ thuật công nghệ. Công ty đã xây dựng được hệ thống trên 100 nhà phân phối sản phẩm rộng khắp tại các tỉnh thành trong khu vực các tỉnh Miền Bắc, Miền Trung và các Đồng bằng Sông Cửu Long. Công ty cũng đã mở rộng xuất khẩu sang các nước Thái Lan, Campuchia, Yemen, Nam Triều Tiên, Pakistan v.v... Công ty có

thể cung cấp ra thị trường các loại gạch ốp lát với mẫu mã phong phú, kích thước đa dạng đạt chất lượng như: Gạch Granit mài và không mài bóng, gạch ceramic ốp tường và lát nền. Bằng hệ thống máy móc thiết bị được nhập từ các hãng nổi tiếng trên thế giới như SITI, B&T, Nasetti, System... các phân xưởng của Công ty có tổng cộng 5 dây chuyền sản xuất có công suất thiết kế với sản lượng 5,5tr m²/năm;

- ✓ Công ty đã được Chính phủ phong tặng Huân chương Lao động các hạng Nhất, Hai, Ba; đạt Huy chương vàng chất lượng Châu Âu tại Tây Ban Nha 1996; được Báo Sài Gòn Tiếp Thị bình chọn Hàng Việt Nam Chất lượng cao trong 19 năm liền kể từ năm 1997.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất và kinh doanh gạch ceramic, granite
- Địa bàn kinh doanh: trong nước và một số quốc gia trong khu vực.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: từ ngày 02/01/2004 mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm Đại hội Đồng cổ đông, Ban kiểm soát và Hội đồng Quản Trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, 03 Phó tổng giám đốc, 02 trợ lý Tổng giám đốc và các trưởng phòng ban bộ phận chức năng.
- Các công ty có liên quan: Tổng công ty VLXD Số 1 – CTCP (nắm 43% vốn cổ phần của Công ty Thanh Thanh), Công ty CP Hóa An (nắm 7,8 % vốn cổ phần của Công ty Thanh Thanh), Công ty CP Bao Bì & KS Số 1 (Cty Thanh Thanh nắm giữ 24% vốn điều lệ), Công ty CP VLXD Cosevco (Công ty Thanh Thanh nắm giữ 4,6% vốn điều lệ).

5. Định hướng phát triển

a. Mục tiêu chủ yếu:

Đảm bảo sản lượng và chất lượng sản phẩm ở mức độ hợp lý để duy trì thị trường truyền thống, giữ vững thị phần, phát huy tối đa nguồn lực hiện có nhằm tạo đà phát triển cho giai đoạn sau.

b. Chiến lược trung – dài hạn:

- Củng cố và phát triển thị trường tiêu thụ: Trong những năm tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc tiếp thị sản phẩm tới người tiêu dùng, mở rộng hệ thống phân phối, củng cố thị phần trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Tăng cường hoạt động marketing: Công ty đã chú trọng phát triển đội ngũ nhân viên Marketing chuyên nghiệp nhằm nâng cao vị thế hương hiệu và tăng cường khả năng nắm bắt nhu cầu thị trường, đầu tư nghiên cứu phát triển các mẫu mã mới, đa dạng hoá sản phẩm, tạo sự gắn chặt chẽ giữa việc thiết kế mẫu mã với nhu cầu thị trường.
- Đầu tư nâng cấp thiết bị và nghiên cứu kỹ thuật: Tăng cường đầu tư đổi mới, nâng cấp thiết bị hiện đã cũ để nâng cao chất lượng sản phẩm, trong đó chú trọng vào đầu tư chiều sâu với các thiết bị in kỹ thuật số, máy mài cạnh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Mặt khác Công ty cũng đầu tư nghiên cứu về kỹ thuật nhằm đưa ra các giải pháp giảm chi phí như: tìm kiếm nguyên liệu thay thế, chuyển đổi việc sử dụng nhiên liệu đốt bằng than xich, khí CNG thay thế cho các nhiên liệu khác trong các thiết bị sấy phun v.v...
- Phát triển nguồn nhân lực: Thanh Thanh luôn xem yếu tố con người là tài sản quý giá nhất mang lại thành công cho Công ty, phát triển nguồn nhân lực là một trong mục tiêu được ưu tiên hàng đầu. Dù vậy, hiện nay Công ty vẫn còn thiếu lao động có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, do đó trong những năm tới Công ty sẽ phải tăng cường công tác đào tạo nghiệp vụ cho người lao động trong Công ty, cung cấp điều kiện làm việc tốt và chế độ khen thưởng xứng đáng để nhân viên gắn bó và phát huy tối đa năng lực của mình.

c. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng công ty:

Công ty tích cực áp dụng các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải rắn; tăng cường các hoạt động xã hội do địa phương phát động; và hướng đến xây dựng một tập thể lao động đoàn kết, tuân thủ luật pháp và có đời sống văn hoá phong phú.

6. Các rủi ro

Hiện nay, rủi ro kinh doanh của công ty tập trung chủ yếu vào các yếu tố: nền kinh tế phát triển chậm nên nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài nước về VLXD vẫn ở mức thấp; cùng với sự xuất hiện của nhiều loại vật liệu thay thế là những nguyên nhân chính có thể làm sụt giảm sản lượng tiêu thụ của công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

* Thuận lợi :

- Thương hiệu *Thanh Thanh* được người tiêu dùng biết đến đã nhiều năm.
- Có lực lượng lao động kỹ thuật có tay nghề, có kinh nghiệm, gắn bó với công ty và được phân bổ đều ở các phòng ban, phân xưởng
- Tình hình tài chính lành mạnh, tính thanh khoản cao.
- Có hệ thống đại lý phân phối sản phẩm ổn định và gắn bó với Công ty nhiều năm.
- Tổ chức bộ máy ổn định, tinh gọn, kỷ cương được giữ vững. Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ thực hiện tốt.

* Khó khăn

- Cung cầu mất cân đối dẫn đến cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt là hàng giá rẻ từ phía Bắc tràn vào như sản phẩm 25x40, 30x45... làm khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm .
- Thị trường xuất khẩu khó khăn do bị cạnh tranh gay gắt . Thị trường xuất khẩu Yemen thì đang bị chiến tranh.
- Thiết bị cũ, lạc hậu trên 15 năm nên thường xuyên hư hỏng làm chi phí sửa chữa cao, không sản xuất được một số sản phẩm cao cấp có kích thước lớn, một số thiết bị phụ tùng cần thay thế không còn sản xuất trên thị trường.
- Công ty nằm trong Khu Công nghiệp Biên hòa 1 đã có chủ trương di dời , nên khó khăn cho việc đầu tư chiều sâu cải tiến thiết bị nâng cao chất lượng cũng như đa dạng sản phẩm.
- Kho bãi chật hẹp nên rất khó khăn trong việc dự trữ nguyên liệu vào mùa mưa, đặc biệt trong điều kiện công ty sản xuất rất nhiều chủng loại sản phẩm.
- Hiện nay công ty sử dụng CNG tiết kiệm chi phí hơn so với LPG khá nhiều , nhưng vẫn cao hơn các đơn vị sử dụng khí hóa than và khí thấp áp. Khả năng cạnh tranh vẫn còn hạn chế.

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Trước những thuận lợi, khó khăn như trên, nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt của hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tăng cường công tác quản lý, kịp thời

chuyển đổi sản phẩm mới, đưa ra những chính sách bán hàng phù hợp, năm 2017 đã đạt được kết quả:

Tên chỉ tiêu	Kế hoạch 2017 (tr.đ)	Thực hiện 2017 (tr.đ)	TH 2017 / KH 2017 (%)
I. Chỉ tiêu tài chính			
1. Doanh thu	348.150	344.269	98,89
2. Giá vốn hàng bán	299.726	290.390	96,89
3. Lợi nhuận gộp	48.424	53.879	111,27
4. Doanh thu HĐTC	2.300	2.183	
5. Chi phí HĐTC	300	872	
6. Chi phí bán hàng	15.109	15.532	102,80
7. Chi phí Quản lý	15.683	15.602	99,49
8. Lợi nhuận từ SXKD	19.632	24.056	122,54
9. Lợi nhuận khác		475	
10. Lợi nhuận trước thuế	19.632	24.532	124,96
II Chỉ tiêu sản phẩm			
1. Sản phẩm sản xuất	4.800.000	4.758.982	99,15
- Gạch lát nền	900.000	796.318	88,48
- Gạch ốp tường	2.600.000	2.998.061	115,31
- Gạch Granite	1.300.000	964.603	74,20
2. Sản phẩm tiêu thụ	4.900.000	4.714.026	96,20
- Gạch lát nền	900.000	936.577	104,06
- Gạch ốp tường	2.650.000	2.771.830	104,60
- Gạch Granite	1.350.000	1.005.619	74,49

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành:

(1) Ông Trần Hưng Lương - Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Trần Hưng Lương Ngày sinh: 01/8/1962

Nơi sinh: Hương Văn, Hương Trà, Thừa Thiên – Huế

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hương Văn, Hương Trà, Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ thường trú: Đường 1B, Bình Trị Đông B, Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0251.3834816

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ 1984 – 1988: NV phòng Kỹ thuật XN Cơ khí sửa chữa máy thiết bị - TCT Xây dựng 1.

+ Từ 1988 – 2004: NV phòng Kỹ thuật, Phó phòng Kỹ thuật, Trưởng phòng Kỹ thuật Cơ điện, Phó Giám đốc Công ty gạch bông và đá ốp lát số 1 (VITALY).

+ Từ 2004 – đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP gạch men Thanh Thanh .

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 14.350 cp

(2) Ông Lê Xuân Thái - Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Lê Xuân Thái Ngày sinh: 29/11/1970

Nơi sinh: Phú Xuyên, Hà Nội, (Hà Tây cũ)

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Cựu, TP.Huế, Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ thường trú: 16HV, KP1, Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0251.3836041

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat

Quá trình công tác:

+ Từ 1995 – 2002: NV phòng Kỹ thuật Công ty Gạch Men Thanh Thanh.

+ Từ 2002 – 2009: Phó phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Gạch Men Thanh Thanh.

+ Từ 2010 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Gạch Men Thanh Thanh.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 3.791 cp

(3) Ông Nguyễn Đức Lợi - Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Nguyễn Đức Lợi Ngày sinh: 16/06/1973

Nơi sinh: Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tân Ấp, Đập Cầu, Hà Bắc.

Địa chỉ thường trú: E2/13-14, Nguyễn Ái Quốc, P. Trung Dũng, TP Biên Hòa
T. Đồng Nai.

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0251.3836041

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện – điện tử, Cử nhân Anh văn

Quá trình công tác:

+ Từ 09/1995 – 10/1996: Kỹ sư PX đo lường điều khiển – Cty Giấy Tân Mai,
Bộ Công Nghiệp.

+ Từ 11/1996 – 04/2000: Kỹ sư PX Cơ điện, Công ty Gạch Men Thanh
Thanh thuộc Tổng Công Ty VLXD Số 1.

+ Từ 04/2000 – 12/2001: Phó quản đốc PX Cơ điện, Công ty Gạch Men
Thanh Thanh thuộc Tổng Công Ty VLXD Số 1.

+ Từ 01/2002 – 12/2002: Quản đốc PX Lát nền, Công ty Gạch Men Thanh
Thanh thuộc Tổng Công Ty VLXD Số 1.

+ Từ 01/2003 – 11/2004: Quản đốc PX Granite, Công ty Cổ Phần Gạch Men
Thanh Thanh .

+ Từ 12/2004 – 10/2007: Trưởng phòng Kinh doanh, Công ty Cổ Phần Gạch
Men Thanh Thanh .

+ Từ 10/2007 – 06/2012: Quản đốc PX Cơ điện, Công ty Cổ Phần Gạch Men
Thanh Thanh.

+ Từ 06/2012 – 07/2016: Phó Giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xây Dựng
Tân Định.

+ Từ 08/2016 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Gạch Men Thanh
Thanh.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cp

(4) Ông Huỳnh Văn Chử - Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Huỳnh Văn Chử Ngày sinh: 21/04/1979

Nơi sinh: Xã Cát Nhơn, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Cát Nhơn, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.

Địa chỉ thường trú: Ấp Xóm Chùa, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP.HCM.



Nơi ở hiện nay: 40/4 Hoàng Bật Đạt, Phường 15, Q. Tân Bình, TP.HCM

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Cử nhân luật

Quá trình công tác:

+ Từ 06/2002 – 12/2004: Tham gia giảng thử và làm giảng viên tại Khoa luật hình sự - Trường Đại học Luật TP.HCM.

+ Từ 01/2005 – 04/2005: Chuyên viên pháp lý phụ trách công tác pháp chế - Công ty CP Xây Dựng Sài Gòn.

+ Từ 04/2005 – 12/2006: Chuyên viên bộ phận Tổ chức – Hành chính – Nhân sự - Công ty CP XM FICO Tây Ninh.

+ Từ 12/2006 – 09/2008: Phó giám đốc bộ phận Văn phòng - Công ty CP XM FICO Tây Ninh.

+ Từ 09/2008 – 05/2009: Phó giám đốc bộ phận Văn phòng kiêm trưởng phòng Hành chính – Nhân sự thuộc ban Sản xuất thử Nhà máy Xi măng Tây Ninh - Công ty CP XM FICO Tây Ninh.

+ Từ 05/2009 – 10/2010: Trưởng phòng Hành chính – Nhà máy Xi măng Tây Ninh - Công ty CP XM FICO Tây Ninh.

+ Từ 10/2010 – 07/2011: Phó giám đốc bộ phận Văn phòng - Công ty CP XM FICO Tây Ninh.

+ Từ 07/2011 – 10/2011: Phó giám đốc bộ phận Hành chính – Quản trị - Nhân sự - Công ty CP XM FICO Tây Ninh.

+ Từ 10/2011 – 01/2013: Phó giám đốc bộ phận Hành chính – Quản trị - Công ty CP XM FICO Tây Ninh.

+ Từ 01/2013 – 12/2013: Phó giám đốc Phụ trách Bộ phận Hành chính – Quản trị - Công ty CP XM FICO Tây Ninh.

+ Từ 12/2013 – 05/2017: Giám đốc Bộ phận Hành chính – Quản trị - Công ty CP XM FICO Tây Ninh.

+ Từ 05/2017 – nay: Phó Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Gạch Men Thanh Thanh.

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

Ngày 12/05/2017: Bổ nhiệm Ông Huỳnh Văn Chử làm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Gạch Men Thanh Thanh kể từ ngày 12/05/2017.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng lao động tại ngày 31/12/2017: 450 lao động
- Thu nhập bình quân người lao động: Trên 9 triệu đồng / người/ tháng
- Chính sách: Công ty trả lương cho người lao động dựa vào công sức đóng góp của người lao động, bảo đảm thu nhập ổn định để người lao động yên tâm công tác; các chính sách về nghỉ phép, lễ được thanh toán đầy đủ theo chính sách; các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được thực hiện đầy đủ theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trong năm 2017 công ty đã đầu tư chiều sâu mua mới máy in Kỹ thuật số và máy mài cạnh ướn sử dụng cho phân xưởng Ốp tường:

- Máy in KTS với tổng giá trị đầu tư: 228.000EURO tương đương 5.609.043.960 đồng từ quỹ đầu tư phát triển.
- Máy mài cạnh khô với tổng giá trị đầu tư: 59.800USD tương đương 1.359.852.000 đồng từ quỹ đầu tư phát triển.

Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết thành lập Tổ dự án đầu tư, chỉ đạo Ban điều hành hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư nhà máy mới, để chuẩn bị di dời Công ty đến địa điểm mới theo chủ trương của tỉnh Đồng Nai.

4. Tài chính**a. Tình hình tài chính:**

Đvt: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	18.8121.095	205.950.858	109,48
Doanh thu thuần	350.420.529	344.269.165	98,24
Lợi nhuận từ hoạt động KD	26.618.173	24.056.299	90,38
Lợi nhuận khác	(64.022)	475.255	(742,33)
Lợi nhuận trước thuế	26.554.150	24.531.555	92,38
Lợi nhuận sau thuế	21.238.501	19.652.318	92,53
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15	15	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,95	1,90	
<i>Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh	1,00	1,01	
<i>Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho</i>			
<i>Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,43	0,44	
- Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,75	0,80	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	4,03	3,71	
<i>Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân</i>			
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,86	1,67	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,06	0,06	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,20	0,17	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,11	0,10	
- Hệ số Lợi nhuận HĐKD / Doanh thu thuần	0,08	0,07	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 5.992.348 cp

Cổ phần đang lưu hành: 5.940.528 cp

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.879.990 cp

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 60.538 cp

b. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại hình cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Trong nước	5.555.419	92,71
1	Cá nhân	2.285.338	38,14
2	Tổ chức	3.270.081	54,57
II	Nước ngoài	436.929	7,29
1	Cá nhân	374.679	6,25
2	Tổ chức	62.250	1,04
	Tổng cộng	5.992.348	100

Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	(%)
1	Tổng Công ty VLXD số 1- CTCP	Tầng 15 Toà nhà Sailing Tower, Q.1, TP.HCM	2.563.500	42,78
2	Công Ty Cổ Phần Hóa An	Ấp Cầu Hang, Xã Hóa An, Biên Hòa, Đồng Nai	466.000	7,78
	Tổng cộng		3.029.500	50,56

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động sản - xuất kinh doanh

a. Về tình hình sản xuất năm 2017:

- Tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp nhằm giảm giá thành cũng như nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm.
- Loại bỏ các sản phẩm lỗi thời, tạo các sản phẩm ceramic mới gồm: gạch ốp tường 30x60, 50x100 và lát nền 50 x50; 60x60; granit 50x50; 60x60. Đầu tư chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng kích thước mẫu mã đáp ứng nhu cầu thị trường;

- tăng cường quản lý, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, giảm lượng tồn kho luân chuyển
- Sản lượng sản xuất thực hiện năm 2017: 4.758.982 m² gạch, đạt 99,15% so KH năm 2017.

b. Về tình hình kinh doanh năm 2017:

Trong điều kiện khó khăn, thị trường cạnh tranh gay gắt (do gạch từ phía Bắc tràn vào) và thị trường xuất khẩu khó khăn nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, Ban điều hành đã tăng cường công tác quản lý, kịp thời chuyển đổi sản phẩm mới, đưa ra những chính sách bán hàng phù hợp nhằm thúc đẩy hoạt động tiêu thụ, đạt mức tiêu thụ 4.714.026 m² gạch, đạt 96,2 % so với KH năm 2017; Doanh thu đạt 344,269 triệu đồng, đạt 98,86% so với KH năm 2017.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

Đvt: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017 so với năm 2016	
			Tăng, giảm	Tỷ lệ %
Tài sản cố định	34.352.605	32.306.038	2.046.567	106,33
1. Tài sản cố định hữu hình	34.352.605	32.306.038	2.046.567	106,33
- Nguyên giá	264.696.736	261.440.294	3.256.443	101,25
- Giá trị hao mòn lũy kế	-230.344.131	-229.134.255	-1.209.876	100,53
2. Tài sản cố định vô hình	0	0	0	
- Nguyên giá	100.896	100.896	0	100,00
- Giá trị hao mòn lũy kế	-100.896	-100.896	0	100,00

Tài sản cố định năm 2017 so với năm 2016 tăng 2.046.567 ngàn đồng, tỷ lệ tăng 6,33% là do: trong năm 2017 Cty đầu tư chiều sâu: mua thêm máy in kỹ thuật số và máy mài cạnh ướt nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị năm 2017 không đáng kể: 4.636.456 ngàn đồng là điểm thuận lợi nhưng đồng thời cũng là điểm bất lợi do máy móc thiết bị của Công ty được đầu tư đã lâu, nay đã lạc hậu, phát sinh chi phí sửa chữa lớn.

(Trong năm công ty có thanh lý một số TSCĐ trị giá 3.712.453.299 đồng)

b. Tình hình nợ phải trả:

CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,95	1,90	
<i>Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh	1,00	1,01	
<i>Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho</i>			
<i>Nợ ngắn hạn</i>			

Các chỉ số về khả năng thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh năm 2017 đạt lần lượt 1,90 % và 1,01% chứng tỏ Công ty có đầy đủ khả năng để thanh toán nợ đến hạn.

Công ty không vay nợ ngoại tệ nên không bị ảnh hưởng của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cân đối và điều chỉnh linh hoạt sản xuất kinh doanh theo diễn biến của thị trường để giảm hàng tồn kho, ổn định sản xuất và đảm bảo việc làm thu nhập ổn định cho người lao động;
- Tiếp tục nâng cao công tác quản lý để tiết giảm tất cả những khoản mục chi phí trong sản xuất và tiêu thụ, đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tăng cường quản lý sản xuất để tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu.
- Đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động đều, ổn định.
- Cấu trúc lại chủng loại sản phẩm để thuận lợi sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng hiệu quả kinh doanh. Cụ thể tăng sản xuất gạch ceramic 30x45, 30x60, gạch bán sứ và gạch granite, giảm sản xuất gạch ceramic 25x40, 40x40.

- Tăng cường kiểm soát qui trình công nghệ, kiểm soát chất lượng gạch tại các phân xưởng, tránh tình trạng phân nhiều lô, kịp thời thanh lý những mẫu tồn kho lâu ngày.
- Tăng cường quản lý các kho thành phẩm, nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng không để thất thoát, giảm tỷ lệ bể vỡ, kém phẩm cấp.
- Tìm nguồn nguyên nhiên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý nhằm giảm chi phí.
- Bổ sung và điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thị trường theo từng thời điểm
- Phát triển mẫu mã mới phù hợp với thị hiếu và nhu cầu của thị trường, đặc biệt các sản phẩm cao cấp ceramic 30x60, 30x45 ... bán sứ 30x60, 60x60
- Tổ chức tiếp thị đến tận các công trình.
- Tăng cường chăm sóc khách hàng , phát triển thêm đại lý tiêu thụ tại các khu vực TPHCM, Đà Nẵng, Bà Rịa Vũng Tàu, Tây Nguyên ..., và tìm thêm nhà nhập khẩu để tăng xuất khẩu.
- Tổ chức tốt thu hồi công nợ khách hàng.
- Đầu tư thêm vào mảng kinh doanh tài chính, chứng khoán.
- Tiến hành lập báo cáo khả thi dự án đầu tư nhà máy mới.
- Tiếp tục tìm kiếm dự án đầu tư mới theo hướng mua lại, sát nhập doanh nghiệp cũ (M&A), cải tạo nâng cấp để sản xuất các chủng loại gạch cao cấp có kích thước lớn nhằm tăng khả năng cạnh tranh, kết hợp di dời nhà máy ra khỏi Khu Công nghiệp Biên hòa theo chủ trương của Tỉnh Đồng Nai.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2017, nền kinh tế Việt Nam có mức tăng trưởng vượt so với kế hoạch đề ra và cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, đối với Công ty Cổ Phần Gạch Men Thanh Thanh, trong mấy năm gần đây và đặc biệt là năm 2017 đã phải gách chịu sự cạnh tranh gay gắt của thị trường gạch men nhất là về giá. Mặt khác, Công ty còn phải đối mặt với những khoa khăn khác tác động trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty, đó là: thiết bị, máy móc của

Công ty đầu tư đã lâu, lạc hậu, chi phí sửa chữa lớn; Giá nguyên nhiên vật liệu biến động tăng làm cho giá thành sản phẩm cao.

- Hội đồng quản trị đã nhận định, đánh giá đúng tình hình khó khăn trên và có chủ trương đúng đắn, chỉ đạo Ban điều hành xây dựng chương trình hành động với các giải pháp phù hợp, linh hoạt, chủ động ứng phó với những tình huống khó khăn, những biến động của thị trường để ổn định sản xuất kinh doanh. Kết quả đạt được trong năm 2017 như sau:
 - Lợi nhuận trước thuế: 24,532 tỷ đồng (đạt 124,96% so với kế hoạch)
 - Khẳng định thương hiệu Thanh Thanh với thị trường bằng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm và đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.
 - Tình hình tài chính của Công ty được duy trì ổn định, lành mạnh.
 - Cơ cấu tổ chức và năng lực của bộ máy tiếp tục được hoàn thiện, hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.
 - Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, động viên được người lao động gắn bó với Công ty.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Với sản phẩm gạch ốp lát, năm 2018 và trong các năm tới, mức độ cạnh tranh rất khốc liệt, nhất là giá. Nguồn nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất ngày càng khan hiếm và giá cũng tăng theo thời gian. Chi phí sửa chữa Thiết bị, Máy móc lớn, làm cho chi phí giá thành sản phẩm cao. Trước tình hình đó, nếu Công ty không có chiến lược kinh doanh hợp lý thì sẽ gặp nhiều khó khăn về tiêu thụ và lợi nhuận giảm, từ đó dẫn đến việc tái đầu tư, phát triển sẽ rất khó khăn.

a. Định hướng của Công ty

Để duy trì sự ổn định trong giai đoạn khó khăn trước mắt và tạo tiền đề để tăng trưởng những năm tiếp theo. Mục tiêu chính của năm 2018 vẫn là sản xuất với công suất hợp lý để duy trì thị trường, giữ vững thị phần và tạo việc làm ổn định cho người lao động. Mặt khác, phải xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm cao cấp và khuyếch trương thương hiệu một cách bài bản, đẩy mạnh việc mở rộng thị trường trong và ngoài nước. HĐQT đề ra chương trình công tác như sau:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát tất cả các hoạt động trong Công ty, kịp thời tháo gỡ khó khăn để thực hiện tốt các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2018 và các nội dung được ĐHĐCĐ phê duyệt phù hợp chiến lược phát triển của Công ty.
- Chỉ đạo các bộ phận liên quan tăng cường mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng, đối tác mới, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, khuyến khích áp dụng giải pháp cải tiến công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất, triển khai quyết liệt các giải pháp tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Thực hiện đánh giá hiệu quả dự án đầu tư, nghiên cứu, tính toán để đầu tư phù hợp, đảm bảo hoàn thành công tác đầu tư theo các mục tiêu đề ra.
- Chỉ đạo tổ chức kiểm tra việc tuân thủ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy chế trong hoạt động SXKD của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của HĐQT Công ty phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Cải tiến hệ thống quản trị; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định phù hợp quy định pháp luật và tình hình hoạt động SXKD của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, cải tiến, nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản, nguồn vốn.
- Chỉ đạo các công tác liên quan đến quan hệ Cổ đông theo quy định hiện hành nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
Đảm bảo thu nhập và điều kiện làm việc của người lao động. Tăng cường chỉ đạo xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

b. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của năm 2018.

- Doanh thu: 362.345 tỷ đồng
- Sản lượng sản xuất: 4.800.000 m²
- Sản lượng tiêu thụ: 4.900.000 m²
- Lợi nhuận trước thuế: 16 tỷ đồng
- Cổ tức: 15%

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Chức danh	Số hữu cá nhân	Số hữu tổ chức	Tổng số	Tỷ lệ VDL %
1	Phạm Thành Tuân	Chủ tịch	-	640.875	640.875	10,69
2	Trần Hưng Lương	Ủy viên	14.350	640.875	655.225	10,93
3	Lã Thái Hiệp	Ủy viên		640.875	640.875	10,69
4	Võ Thị Thu Thủy	Ủy viên	11.000	-	11.000	0,18
5	Nguyễn Xuân Thắng	Ủy viên	-	640.875	640.875	10,69
	Tổng cộng		25.350	2.563.500	2.588.850	43,20

b. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị:

• Về quản lý theo chức năng nhiệm vụ trong điều lệ

Hội đồng quản trị đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch công tác đề ra và tình hình của thị trường, tình hình thực tế của Công ty để chỉ đạo quyết liệt các mặt hoạt động của Công ty.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã họp 5 phiên toàn thể và tổ chức 03 lần lấy ý kiến các TV HĐQT. Ban hành 14 nghị quyết, 06 quyết định và một số văn bản quan trọng khác để quản lý các hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện các quyết định đã ban hành, giám sát các hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Tổng giám đốc và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với các bộ phận.

• Về tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động đã đề ra

- Trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, HĐQT đã triển khai thực hiện các nội dung như sau:

+ Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017

HĐQT đã chỉ đạo triển khai công tác chuẩn bị, xây dựng tài liệu và tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty vào ngày 11/4/2017.

+ Chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017

Mặc dù, chỉ tiêu Lợi nhuận giảm so với năm trước và Doanh thu không đạt kế hoạch, nhưng xem xét trong tình hình thực tế của thị trường tác động đến Công ty của cả năm 2017, thì đây là kết quả đáng khích lệ trong một năm đầy khó khăn, thách thức.

+ Công tác đầu tư

Năm 2017, Hội đồng quản trị đã phê duyệt đầu tư gồm:

- Máy in kỹ thuật số cho phân xưởng gạch ốp tường nền với tổng giá trị đầu tư 228.000 EURO tương đương 5.609 tỷ đồng (tròn số).
- 2 Máy mài cạnh khô cho phân xưởng gạch Ốp tường với giá trị đầu tư 59.800USD/ 1 máy tương đương lần 1.360 tỷ đồng/ 1 máy (tròn số)

HĐQT đã ban hành nghị quyết thành lập Tổ dự án đầu tư, chỉ đạo Ban điều hành hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư nhà máy mới, để chuẩn bị di dời Công ty đến địa điểm mới theo chủ trương của tỉnh Đồng Nai.

+ Giám sát và chỉ đạo tháo gỡ khó khăn

Hội đồng quản trị đã theo sát tình hình biến động của nền kinh tế, giá cả của thị trường gạch men và giá nguyên nhiên vật liệu, chỉ đạo Ban Điều hành Công ty có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình biến động của thị trường và giá cả nguyên nhiên vật liệu. Cân đối và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch sản xuất để giảm hàng tồn kho, đảm bảo việc làm cũng như thu nhập cho người lao động.

+ Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị

Năm 2017, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý phù hợp với tình hình thực tế của Công ty như sau:

- Ban hành Quy chế chức năng nhiệm vụ các Phòng, Phân xưởng;
- Ban hành Quy định công tác Văn thư, lưu trữ; Kỹ thuật trình bày, soạn thảo văn bản;
- Ban hành Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng;
- Hoàn thiện Quy chế quản trị Công ty và trình Đại hội cổ đông năm 2018.

+ Các hoạt động khác

Ngoài hoạt động có trong kế hoạch năm, HĐQT thực hiện các nhiệm vụ

thường xuyên thuộc thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, như sau:

Công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư

HĐQT đã cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán đối với tổ chức niêm yết. Các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT và các tài liệu liên quan khác đã được công bố đúng hạn đến cổ đông và nhà đầu tư quan tâm.

Công tác chi trả cổ tức năm 2016 và tạm ứng cổ tức 2017

Thực hiện nội dung của nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017, HĐQT đã thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2016 đúng quy định. Ngày 01/3/2018, HĐQT đã ban hành nghị quyết số 16/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm 2017.

Chọn Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chức danh	Sở hữu cá nhân	Sở hữu tổ chức	Tổng số	Tỷ lệ % VDL
1	Phạm Việt Thắng	Trưởng ban				
2	Nguyễn Thừa Vũ	Thành viên	2.087		2.087	0,03
3	Nguyễn Hoàng Trung	Thành viên				
	Tổng cộng		2.087		2.087	0,03

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có ba thành viên, mỗi thành viên được phân công nhiệm vụ cụ thể và các thành viên hoạt động độc lập theo phương thức bán chuyên trách. Hàng tháng và quý thường xuyên trao đổi các vấn đề về quản lý và hoạt động SXKD của công ty. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, xem xét các nghị quyết và có ý kiến với HĐQT, Ban điều hành về việc quản trị Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đvt: triệu đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao 2017	Tiền lương 2017	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị				
1	Phạm Thành Tuấn	Chủ tịch	43,3	224,8	
2	Trần Hưng Lương	Thành viên	36	533,8	Kiểm TGD
3	Lã Thái Hiệp	Thành viên	26		
4	Võ Thị Thu Thủy	Thành viên	36	264,4	Kiểm KTT
5	Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	26		
6	Trịnh Bửu Tuấn	Chủ tịch	16,7		Hết nhiệm kỳ T4/2017
7	Hồ Hữu Phước	Thành viên	10	193,8	Hết nhiệm kỳ
8	Viễn Đông	Thành viên	10		Hết nhiệm kỳ T4/2017
II	Ban kiểm soát				
1	Phạm Việt Thắng	Trưởng ban	26		
2	Nguyễn Thừa Vũ	Thành viên	13	219,9	Kiểm TP. Kỹ thuật
3	Nguyễn Hoàng Trung	Thành viên	13		
4	Khuông Thị Chăm	Trưởng ban	10		Hết nhiệm kỳ T4/2017
5	Nguyễn Đức Lợi	Thành viên	5		Hết nhiệm kỳ T4/2017
6	Nguyễn T Ngọc Tuyền	Thành viên	5		Hết nhiệm kỳ T4/2017
III	Ban giám đốc				
1	Lê Xuân Thái	P. TGD		342,0	
2	Nguyễn Đức Lợi	P. TGD		258,0	
3	Huỳnh Văn Chử	P. TGD		148,2	Bổ nhiệm T 05/2017

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Ông Phạm Thành Tuấn – Chủ tịch HĐQT bán 290.200 cổ phiếu, tỷ lệ 4,9% VDL.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 276/217/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh*

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán, Công ty này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 22 tháng 03 năm 2017 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.

Phan Thanh Nam

Phó Tổng Giám Đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán :

1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của CT HĐTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Tiến Trình

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán :

1806-2018-137-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

a. Bảng cân đối kế toán 2017:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.719.713.861	150.763.717.165
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.478.476.589	30.640.815.381
1. Tiền	111	5.1	10.478.476.589	8.640.815.381
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	22.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.227.520.417	20.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	16.227.520.417	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	26.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.611.249.311	26.854.902.360
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	31.406.117.682	27.292.575.399
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		96.623.962	266.110.889
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	565.581.971	713.483.786
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.457.074.304)	(1.417.267.714)



8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		78.180.957.529	73.252.879.424
1. Hàng tồn kho	141	5.6	90.862.448.943	85.980.156.096
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.681.491.414)	(12.727.276.672)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		221.510.015	15.120.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	15.120.000	15.120.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	206.390.015	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.231.144.487	37.357.377.664
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85.700.000	258.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	85.700.000	258.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		34.352.605.087	32.306.038.264
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	34.352.605.087	32.306.038.264
- Nguyên giá	222		264.696.736.258	261.440.293.597

- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(230.344.131.171)	(229.134.255.333)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		100.896.000	100.896.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100.896.000)	(100.896.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	4.792.839.400	4.792.839.400
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.920.000.000	1.920.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.030.000.000	3.030.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(157.160.600)	(157.160.600)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			



3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		205.950.858.348	188.121.094.829
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		91.256.774.412	80.892.536.835
I. Nợ ngắn hạn	310		87.521.774.412	77.257.536.835
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	34.254.053.994	21.645.585.520
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		854.464.703	1.086.028.830
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.12	750.688.804	1.901.899.839
4. Phải trả người lao động	314		11.098.804.475	17.565.516.367
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.544.423	9.399.794
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	21.106.933.126	20.335.144.561
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	13.919.410.390	11.167.937.427
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.534.874.497	3.546.024.497
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.735.000.000	3.635.000.000



1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	3.735.000.000	3.635.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114.694.083.936	107.228.557.994
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	114.694.083.936	107.228.557.994
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.923.480.000	59.923.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411 a		59.923.480.000	59.923.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411 b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313.744.700	313.744.700
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		14.054.939.829	14.054.939.829
5. Cổ phiếu quỹ	415		(652.100.000)	(652.100.000)

6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.597.353.450	2.349.653.227
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.456.665.957	31.238.840.238
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421 a		14.804.348.015	10.000.339.122
- LNST chưa phân phối kỳ này	421 b		19.652.317.942	21.238.501.116
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		205.950.858.348	188.121.094.829

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2017
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	347.010.005.332	352.870.733.059
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.740.840.827	2.450.203.561
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.18	344.269.164.505	350.420.529.498
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	290.389.838.283	295.280.691.678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		53.879.326.222	55.139.837.820
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	2.183.121.841	3.281.143.974
7. Chi phí tài chính	22	5.21	872.231.086	544.098.405
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		613.364.668	304.679.936
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	5.22	15.531.633.153	15.939.781.682
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	15.602.284.621	15.318.929.088
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		24.056.299.203	26.618.172.619
12. Thu nhập khác	31	5.23	575.744.285	37.390.025
13. Chi phí khác	32	5.23	100.488.814	101.412.441
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		475.255.471	(64.022.416)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24.531.554.674	26.554.150.203
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	4.879.236.732	5.315.649.087
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		19.652.317.942	21.238.501.116
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	5.25	2.803	3.024

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 2017

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.531.554.674	26.554.150.203
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		4.922.329.137	3.918.961.384
- Các khoản dự phòng	03		(5.978.668)	5.480.944.480
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(186.697)	(97.519.210)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.773.678.282)	(2.530.713.473)
- Chi phí lãi vay	06		613.364.668	304.679.936
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.287.404.832	33.630.503.320
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.830.242.850)	(2.201.560.981)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.882.292.847)	(21.498.995.558)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.514.517.990	(622.402.253)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(613.364.668)	(295.280.142)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.146.569.148)	(6.181.808.673)



- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		700.000.000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.611.150.000)	(1.439.585.277)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.418.303.309	1.390.870.436
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.968.895.960)	(13.630.666.920)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	24.668.320
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(81.227.520.417)	(66.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		59.000.000.000	54.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.773.678.282	2.506.045.153
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.422.738.095)	(23.099.953.447)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		87.911.668.242	37.458.133.655
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(85.160.195.279)	(30.420.196.228)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.910.792.000)	(8.910.792.000)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.159.319.037)	(1.872.854.573)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(15.163.753.823)	(23.581.937.584)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30.640.815.381	54.126.101.697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.415.031	96.651.268
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		15.478.476.589	30.640.815.381

Xác nhận của đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Hương Lương